

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1164/2017/HC-PT
Ngày: 18-12-2017
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt
bằng, tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thị Kim Phượng.

2. Bà Lê Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số: 50/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư” của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2932/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Chu N (có mặt).

Địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm B (có mặt).

Địa chỉ: Đường R, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện A.

Trụ sở: Huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lưu – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Lê H1 – Phó Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện A (có mặt).
- Ông Huỳnh H2 - Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện A (vắng mặt).
- Ông Đỗ L– Phó trưởng Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện A (có mặt).
- Bà Hồng O – Chuyên viên Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện A (có mặt).

Cùng địa chỉ nơi làm việc: Huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/9/2015, ngày 24/9/2015, văn bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày 31/5/2017, lời khai và biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Chu N trình bày:

Năm 1999, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đặng Văn T, ông đã cải tạo đất, dựng nhà ở. Năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện A thu hồi toàn bộ diện tích 5.952 m² đất ông đang sử dụng gồm các thửa số: 56, 57, 59, tờ bản đồ số 1 trong đó có 90 m² đất thổ lâu năm (T.Ln thuộc thửa 59) giao cho Công an Thành phố để thực hiện xây dựng trại giam X tại xã B, huyện A. Trên đất có nhà ở (diện tích là 30,6 m²) bị giải tỏa trắng. Trên tờ khai mốc thời gian sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã xác nhận nhà xây dựng năm 1999. Biên bản kiểm kê thiệt hại tài sản tại mục 7 ghi “Nhà ở”. Như vậy, đã xác định ông có nhà ở, diện tích là 30,6 m², có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Theo sơ đồ đo đạc nhà xưởng và các vật kiến trúc khác: Ông có nhà ở, diện tích nhà là 30,6 m², sơ đồ có đầy đủ chữ ký của các thành phần và có đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã, dấu của Ủy ban nhân dân huyện A.

Căn cứ vào quy định pháp luật, Phương án đền bù 18/PAĐB ngày 06/06/2001, ông có đất ở và đất ở do ông sử dụng được đền bù thiệt hại. Chiếu theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Phần II và Khoản 1 Phần VII Phương án đền bù 18/PAĐB thì ông đương nhiên được đền bù đất ở bị thu hồi bằng 300 m² đất ở tại khu tái định cư X. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện A lại đền bù nhà ở của ông thành chòi, đền bù đất ở do ông sử dụng theo giá đất nông nghiệp, không thực hiện việc đền bù đất ở bị thu hồi bằng 300 m² đất ở tại khu tái định cư X.

Chủ đầu tư đã chấp nhận dùng 78 lô đất nền biệt thự để đền bù bằng đất ở cho 78 trường hợp bị giải tỏa trắng. Tại Quyết định số 4447/QĐ-UB ngày 17/10/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận có 78 nền đất biệt thự để phục vụ di dời, giải tỏa các hộ dân của dự án đầu tư xây dựng Trại tạm giam X tại xã B huyện A. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện A chỉ cấp nền tái định cư cho 28 hộ (không có ông trong đó).

Khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện A, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện A đã làm trái các quy định pháp luật đối với các hộ dân thuộc dự án cũng như đối với ông, làm trái quy định pháp luật về trình tự và thủ tục trong thu hồi đất, bồi thường thiệt hại đối với ông, vi phạm chế độ đền bù đất ở, đền bù đất ở bằng

đất ở khác tại khu tái định cư. Ủy ban nhân dân huyện A cũng không ban hành quyết định thu hồi đất, không ban hành quyết định đền bù thiệt hại đối với ông. Ngoài ra trên nhiều giấy tờ của bộ hồ sơ đền bù ông Chu C đã ký tên mà không có sự ủy quyền của ông. Ông cũng không ký vào biên bản hiệp thương đền bù.

Như vậy, trong quá trình đền bù và hỗ trợ thiệt hại, Ủy ban nhân dân huyện A đã thực hiện sai các quy định của pháp luật, thực hiện không đúng theo phương án đền bù giải tỏa như đã cam kết, xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của ông. Nay ông yêu cầu:

- Tuyên bố hành vi Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện trình tự thủ tục thu hồi đất, đền bù thiệt hại đối với ông Chu N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện lại toàn bộ trình tự thủ tục thu hồi đất, đền bù thiệt hại theo đúng quy định pháp luật.

- Tuyên bố hành vi Ủy ban nhân dân huyện A không tính đền bù đất ở cho ông Chu N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện A phải đền bù đất ở cho ông Chu N.

- Tuyên bố hành vi Ủy ban nhân dân huyện A không thực hiện việc đền bù 300 m² đất ở bị thu hồi bằng 300 m² đất ở khác tại khu tái định cư X cho ông Chu N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện A phải đền bù 300 m² đất ở cho ông Chu N bằng 300 m² đất ở khác tại khu tái định cư X.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện A là ông Lê H1, ông Huỳnh H2, ông Đỗ L và bà Hồng O trình bày:

Những văn bản pháp lý liên quan đến hồ sơ đền bù, hỗ trợ cho ông Chu N, địa chỉ: Đường P, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi đất trong dự án xây dựng Trại tạm giam X tại xã B, huyện A:

- Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và Thông tư số 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

- Quyết định số 1002/QĐ-UB ngày 20/2/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi và tạm giao đất cho Công an Thành phố để tổ chức việc đền bù và giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng trại giam X tại xã B, huyện A.

- Quyết định số 2870/QĐ-UB ngày 15/8/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng Trại tạm giam X tại xã B, huyện A.

- Phương án đền bù số 18/PAĐB ngày 06/6/2001 được Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố thẩm định ngày 11/6/2001 và được phê duyệt tại Quyết định số 4096/QĐ-UB ngày 5/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện dự án.

Căn cứ các văn bản pháp lý quy định nêu trên, ngày 06/9/2001, Ủy ban nhân dân huyện A lập hồ sơ đền bù, hỗ trợ cho ông Chu N như sau:

- Ông Chu N bị thu hồi đất 5.952m^2 thuộc thửa 56 = 55m^2 (NĐ); thửa 57 = 5.807m^2 (L); thửa 59 = 90m^2 (TV), tờ bản đồ số 1 xã B. Ông N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất là ông N nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn T ngụ tại 40 ấp 2, xã B, huyện A theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/04/1999 và được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận (ông Chu C ký người nhận chuyển nhượng theo Văn bản số 01 ngày 02/01/1999 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N xác nhận được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng).

- Trên khu đất 5.952m^2 có cấu trúc xây dựng diện tích $30,6\text{m}^2$ phục vụ cho việc chăn nuôi, trồng hoa màu và nuôi cá, chủ yếu là hộ phục vụ cho việc chăn nuôi, không tạo lập nhà ở ổn định trên phần đất này và nhà không sổ, không hộ khẩu.

Ông Chu N không đủ điều kiện bồi thường đất ở và tái định cư, do không đủ pháp lý chứng minh đã ở ổn định lâu dài, cụ thể:

- Ông T và bà H chuyển nhượng cho ông N là đất nông nghiệp.

- Tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên ông N không trực tiếp thực hiện quyền nhận chuyển nhượng đất mà ủy quyền lại cho cha là ông Chu C ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/04/1999.

- Ủy ban nhân dân xã B xác nhận cấu trúc xây dựng năm 1999 do ông N sử dụng và là nhà không sổ, không phải có nguồn gốc từ ông T và bà H xác lập.

- Năm 2001, ông N lại tiếp tục ủy quyền cho cha là ông Chu C nhận tiền đền bù. Lý do là ông N làm việc tại Matxcova đã chứng minh ông N không có ở ổn định lâu dài.

- Khu tái định cư dùng để đền bù cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà ở, đất ở phải di chuyển đến nơi ở khác (Điều 28 của Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998).

- Ông Chu N đủ tiêu chuẩn mua nền đất ở theo giá bảo tồn vốn theo Công văn số 334/UBND-PCNC-M ngày 26/7/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố và ông N đã bốc thăm nhận nền đất ở lô A7 = $99,9\text{m}^2$, C7 = $100,09\text{m}^2$ tại khu tái định cư X xã B vào ngày 17/01/2017.

Căn cứ pháp lý thực hiện dự án và nguồn gốc sử dụng đất của ông N lúc bấy giờ thì việc lập hồ sơ bồi thường cho ông N là đúng quy định và ông N cũng đã đồng ý nhận tiền đền bù ngày 11/01/2002 (ông Chu C nhận theo ủy quyền). Ủy ban nhân dân huyện A vẫn giữ nguyên việc lập hồ sơ đền bù năm 2001 của ông Chu N và không chấp nhận việc khiếu kiện của ông Chu N. Ủy ban nhân dân huyện A đề nghị Tòa án nhân dân huyện A bác các yêu cầu khởi kiện của ông Chu N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu không thay đổi hoặc bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư” của Tòa án nhân dân huyện A, đã tuyên xử:

“Bác yêu cầu khởi kiện của ông Chu N: Tuyên bố hành vi Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện trình tự thủ tục thu hồi đất, đền bù thiệt hại đối với ông Chu N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện lại toàn bộ trình tự thủ tục thu hồi đất, đền bù thiệt hại theo đúng quy định pháp luật. Tuyên bố hành vi Ủy ban nhân dân huyện A không tính đền bù đất ở cho ông Chu N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện A phải đền bù đất ở cho ông Chu N. Tuyên bố hành vi Ủy ban nhân dân huyện A không thực hiện việc đền bù 300 m² đất ở bị thu hồi bằng 300 m² đất ở khác tại khu tái định cư X cho ông Chu N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện A phải đền bù 300 m² đất ở cho ông Chu N bằng 300 m² đất ở khác tại khu tái định cư X.”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2017, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Chu N về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Chu N xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và những ý kiến trình bày trước đây tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận những yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Chu N là ông Phạm B có ý kiến trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là ông Chu N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Lê H1, ông Đỗ L, bà Hồng O có ý kiến trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông Chu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục, thấy rằng Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành đúng đắn và đầy đủ các thủ tục tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Về nội dung, Viện Kiểm sát thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ khiếu kiện này. Cụ thể: Thành viên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm là Hội thẩm nhân dân Lê Phước Hậu đã tham gia giải quyết vụ án hành chính đó theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân huyện A và đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, đã thuộc trường hợp Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nhưng không từ chối tiến hành tố tụng và không bị thay đổi. Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A để giải quyết lại từ đầu là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Người bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của đương sự; Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét thủ tục thụ lý, xét xử tại cấp phúc thẩm:

Ngày 30/8/2017, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Chu N về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A là còn trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét.

Về việc xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện thì thấy rằng: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện A có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn L đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nói trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[1.2] Về thủ tục thụ lý, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm:

Năm 2012, ông Chu N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện A, theo đó, đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A giải quyết: Tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện lại toàn bộ trình tự thủ tục thu hồi đúng quy định và hoán đổi 300 m² đất ở. Tòa án nhân dân huyện A đã thụ lý, giải quyết đối với yêu cầu nói trên theo Quyết định số 04/2012/QĐ-NVA-HC ngày 24/8/2012.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2012/QĐST-HC ngày 24/9/2012 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2012/QĐHPT ngày 14/9/2012 thì phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nói trên được mở vào lúc 08h00 ngày 26/9/2012.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2012, Tòa án nhân dân huyện A đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử sơ thẩm số 22/2012/QĐST-HC, theo đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 139 Luật Tố tụng hành chính năm 2010, Hội đồng xét xử đã đình chỉ việc xét xử vụ án hành chính nói trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền. Theo quyết định đình chỉ nói trên, những người tiến hành tố tụng gồm có Thẩm phán ông Nguyễn Xuân Thanh và các Hội thẩm nhân dân là ông Trần Anh Tiến và ông **Lê Phước Hậu**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã xác định các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm bao gồm: Thẩm phán Bùi Trọng Nghĩa và các Hội thẩm nhân dân ông **Lê Phước Hậu** và ông Lê Anh Thứ.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì:

“Điều 46. Những trường hợp Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi

Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

...

3. Họ đã tham gia giải quyết vụ án hành chính đó theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm và đã ra bản án sơ thẩm; bản án, quyết định

phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm và quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, trừ trường hợp là thành viên của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao được tham gia xét xử vụ án đó theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

... ”

Đối chiếu với quy định viện dẫn trên, thì thấy rằng Hội thẩm nhân dân **Lê Phước Hậu** đã tham gia giải quyết vụ án hành chính đó theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân huyện A và đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, đã thuộc trường hợp Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nhưng không từ chối tiến hành tố tụng và không bị thay đổi. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện A đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ khiếu kiện này, và việc vi phạm này không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, giải quyết lại vụ án từ đầu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Mặt khác, vụ án do có người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện A, nên căn cứ Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó, cần thiết chuyển hồ sơ vụ án tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí hành chính phúc thẩm, người khởi kiện không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ nêu trên,

Căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo trình tự thủ tục chung.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Chu N không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Chu N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AD/2014/0008115 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng